TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Thắng, bà Lê Thị Hoàng Diễm

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 246/2025/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11a/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 15/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-HN ngày 31/7/2025. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: 166, ấp PT, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre (nay là xã PT, tỉnh Vĩnh Long) (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Đỗ Minh K, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp TV, xã PT, huyện CT, tỉnh Bến Tre (nay là xã PT, tỉnh Vĩnh Long) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Do quen biết, tìm hiểu, chị Ngọc và anh Đỗ Minh K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạch, huyện Châu Thành. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2018 thì không còn hạnh phúc với lý do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau về những việc nhỏ nhặt nhất, mọi việc trong nhà anh K đều quyết định, chị không có tiếng nói. Anh K còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và khi chị xem điện thoại thì anh K đánh chị, nhiều lần anh K dọa giết cả gia đình chị nếu chị đòi ly hôn. Chị N đã hai lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để cho anh K cơ hội sửa đổi nhưng anh K không thay đổi. Nay không còn tình cảm, kéo dài tình trạng hôn nhân không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Cát T, sinh ngày 26/7/2016 và Đỗ Khánh V, sinh ngày 14/10/2020 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại chị buôn bán quán ăn, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng và đang sống cùng cha ruột nên chị đủ khả năng để nuôi các con phát triển. Anh K thì thu nhập không ổn định, thu nhập mỗi tháng bao nhiêu thì chị không rõ.

Về tài sản chung: Chị N xác định tài sản chung sẽ do anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Minh K trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về điều kiện, thời gian kết hôn và tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Vợ chồng có mâu thuẫn, cự cãi nhau nhưng đó là những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống, chị N nhiều lần đòi ly hôn nên anh mới hâm dọa đòi giết gia đình chị N nhưng anh chỉ hâm dọa mà không để bụng. Việc chị N cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác thì đó là việc của 3, 4 năm trước, anh đã chấm dứt với người phụ nữ này. Chị N nhiều lần nộp đơn ly hôn, anh đã năn nỉ hứa sửa đổi nên chị N rút đơn. Từ thời gian vợ chồng ly thân tháng 10/2024 đến nay, anh nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm, nhưng chị N vẫn không đồng ý. Nay anh không có lỗi gì nghiêm trọng mà chỉ do chị N muốn ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh thống nhất với lời trình bày của chị N là anh chị có 02 con chung, do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V, anh đồng ý để chị N nuôi cháu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án cho chị N nuôi hai con thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con nếu chị N yêu cầu. Về công việc hiện tại, anh đang làm thuê và đi chài cá thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng nên sẽ có khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Tài sản chung sẽ do anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa anh và chị N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, thấy rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N. Về nuôi con chung, chị N có đủ điều kiện nuôi con, các con đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển ổn định, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ nên không cần thiết làm xáo trộn môi trường sống hiện tại của các cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được trực tiếp nuôi hai con, ghi nhận chị N không yêu cầu

anh K cấp dưỡng. Không giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong cùng vụ án do anh chị yêu cầu để anh chị thỏa thuận về tài sản chung, trình bày không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh N đối với anh Đỗ Minh K, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đỗ Minh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh K không yêu thương, chung thủy với chị, anh K không tôn trọng ý kiến của chị mà còn nhiều lần hâm dọa giết chị và gia đình dẫn đến mất tình cảm vợ chồng. Anh K cũng thừa nhận đã từng có quan hệ tình cảm với người khác nhưng anh đã chấm dứt với người phụ nữ này, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những việc nhỏ nhặt, những lần anh hâm dọa giết chị và gia đình chị là do chị N đòi ly hôn, anh chỉ hâm họa mà không có bất cứ hành động gì. Hội đồng xét xử thấy rằng lỗi dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị hoàn toàn thuộc về anh K. Anh K đã vi phạm nghĩa vụ chung thủy giữa vợ chồng; hâm dọa giết chị N và gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hạnh phúc gia đình nhưng anh không nhìn thấy lỗi của mình để sửa đổi. Chị N đã hai lần nộp đơn xin ly hôn và đã rút đơn nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án tại các quyết định số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2022 và 15/2023/QĐST-DS ngày 15/02/2023 để vợ chồng có cơ hội xây dựng lại hạnh phúc nhưng anh K không nhìn thấy lỗi để sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị và anh K ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị N và anh K có 02 con chung tên Đỗ Cát T, sinh ngày 26/7/2016 và Đỗ Khánh V, sinh ngày 14/10/2020 hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Thấy rằng hai con đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển ổn định, nguyện vọng của cháu T là muốn được mẹ nuôi dưỡng, hai con của anh chị là nữ nên không cần thiết làm xáo trộn môi trường sống của các con, cần tạo điều kiện cho các con được cùng nhau lớn lên, học tập và phát triển nên cần tiếp tục giao hai con cho chị N nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N và anh K tự thỏa thuận nên không giải quyết.

Về nợ chung: các đương sự trình bày không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ánh N là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N. Chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh Đỗ Minh K.

[2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh N được trực tiếp nuôi hai con tên Đỗ Cát T, sinh ngày 26/7/2016 và Đỗ Khánh V, sinh ngày 14/10/2020; Ghi nhận chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Chị N và anh K tự thỏa thuận về tài sản chung, giữa anh chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0010101 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THA dân sự Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã PT
(Số 46, ngày 28/6/2016 (TT));
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng